TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/11/2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
  1. Ông: Trần Văn Tiền
  2. Ông: Nguyễn Văn Diệp
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thu Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 572/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Văn R**, sinh năm: 1963.
+ Bị đơn: **Lý Tự T**, sinh năm: 1964.
Cùng địa chỉ: Số 170A, tổ 8, ấp T1, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tại phiên tòa, ông R có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Văn R trình bày*:**

Ông và bà Lý Tự T kết hôn vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Bà T chỉ lo sống cho bản thân không quan tâm đến gia đình. Ông nhiều lần động viên khuyên giải để tạo cơ hội cho bà T sửa chữa nhưng không được. Bà nhiều lần đi đánh bài gây nợ và dùng cây đánh vào đầu ông gây thương tích phải đi bệnh viện cấp cứu. Vào khoảng tháng 3 năm 2018, ông làm đơn xin ly hôn với bà T nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng có thời gian suy nghĩ lại. Tuy nhiên, ông và bà T không thể sống chung nhà được vì ông luôn lo sợ bà T sẽ gây thương tích cho ông. Nay, ông nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 29/6/1986 và Lê Thanh N, sinh ngày 01/11/1991. Hai con đã trưởng thành nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lý Tự T vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/10/2019 như sau:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông R về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà thừa nhận có lỗi là không chăm lo cho gia đình. Bà không biết lý do nào bà lại đánh ông R, lúc đó tinh thần của bà không bình thường nên không nhận thức được bà đã làm gì. Sau đó bà rất hối hận, bà cũng đã bị Công an mời làm việc và bà đã bị xử phạt hành chính về hành vi của mình. Nay, bà đi làm để lo cho cuộc sống gia đình nên không đồng ý ly hôn. Hiện bà đi làm ở thành phố H (không nhớ địa chỉ cụ thể) nhưng vẫn thường xuyên về thăm nhà và thăm ông R.

- Về con chung: Có 02 con chung như ông R trình bày, hai con đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Hiện bà không tranh chấp.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn R đối với bà Lý Tự T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành việc cấp tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai cho bị đơn là bà Lý Tự T để đưa vụ án ra xét xử nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Văn R và bà Lý Tự T kết hôn vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên ông, bà đã ly thân. Mâu thuẫn gia đình của ông R và bà T đã được chính quyền địa phương hòa giải động viên phân tích pháp luật để tạo điều kiện cho ông, bà đoàn tụ nhưng không cải thiện được. Nay, ông R khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp được nên xin ly hôn. Bà T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương ông R.

[3] Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi bà T và ông R sinh sống cho thấy, thời gian gần đây giữa ông R và bà T xảy ra cự cải rồi xô xát lẫn

nhau, ông R có trình báo chính quyền địa phương giải quyết. Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 001802/QĐ-XPVPHC ngày 04/3/2019 đối với bà T về hành vi xâm phạm sức khỏe cho người khác là ông Lê Văn R. Bà T cũng thừa nhận lỗi của mình và cho rằng vẫn còn thương ông R nên xin được đoàn tụ nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn ông R cũng đã làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc hôn nhân với bà T, sau đó rút đơn yêu cầu để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng không thể hòa hợp được. Nay, ông R kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống ông R, bà T đã xảy ra hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân của ông, bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông R, xử cho ông R được ly hôn bà T.

[3] Trong thời gian chung sống ông R và bà T có 02 con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 29/6/1986 và Lê Thanh N, sinh ngày 01/11/1991. Hai con đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông R và bà T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Ông R, bà T khai không có nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Ông R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn R đối với bà Lý Tự T.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn R và bà Lý Tự T được ly hôn.

2. Về con chung: Ông R và bà T có 02 con chung tên Lê Hồng N, sinh ngày 29/6/1986 và Lê Thanh N, sinh ngày 01/11/1991 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung: Ông R và bà T không tranh chấp nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Ông R và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

5. Về án phí: Ông Lê Văn R phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004796 ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Ông R đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Bến Tre;
-VKS H. Châu Thành;
-THADS H. Châu Thành;
-Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn**.**
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Thúy Hằng